

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/ HNGĐ - ST

Ngày 03-9-2020

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Vinh

2. Ông Huỳnh Tấn Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên dự khuyết: Bà Nguyễn Thanh Mai

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 04/8/ 2020 của Tòa án nhân dân huyện R, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Võ Thị M**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi;

Chị Võ Thị M có mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: **Anh Hà Xuân M1**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi;

Anh Hà Xuân M1 vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N, bà H, bà C có mặt tại phiên tòa.

- Ngân hàng Y

Địa chỉ: Số 169 phố G, phường A, quận Q1 thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn K1- Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Y huyện R, theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Y về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Chị và anh Hà Xuân M1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/5/2010. Quá trình chung sống giữa chị và anh M1 nảy sinh mâu thuẫn, anh M1 thường hay xúc phạm chị, nhiều lần anh M1 đánh đập chị. Từ năm 2018 trở đi thì mâu thuẫn giữa chị và anh M1 ngày càng căng thẳng hơn. Kể từ đầu năm 2019 đến nay, anh M1 không còn chung sống với chị, anh M1 cũng không quan tâm, chăm sóc chị và con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M1 không còn nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Xuân M1.

Về nuôi con: Chị và anh Hà Xuân M1 có hai người con tên là Hà Ngọc M3, sinh ngày 01/11/2005 và Hà Thị Thanh M4, sinh ngày 12/5/2009, hiện hai con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, chị yêu cầu anh Hà Xuân M1 phải cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000đồng/ tháng, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh M1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị và anh M1 có nợ của chị Võ Thị N số tiền 5.000.000đồng, nợ của bà Trần Thị H số tiền 3.160.000đồng, nợ của bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền 4.000.000 đồng, khi ly hôn chị yêu cầu anh Hà Xuân M1 có nghĩa vụ cùng chị trả nợ.

Chị và anh M1 có nợ của Ngân hàng Y số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi là 38.466 đồng, tổng cộng 12.038.466 đồng, nhưng vì ngày 19/7/2020 món vay này đến hạn trả nợ, Ngân hàng Y yêu cầu trả nợ nên chị đã vay tiền của người khác để trả nợ cho Ngân hàng Y, Ngân hàng Y đã rút yêu cầu khởi kiện, vì vậy nay chị yêu cầu anh Hà Xuân M1 phải có nghĩa vụ trả lại cho chị $\frac{1}{2}$ số tiền mà chị đã trả nợ cho Ngân hàng Y là: $12.038.466 \text{ đồng} : 2 = 6.019.233 \text{ đồng}$.

Tại đơn khởi kiện chị nêu có nợ của chị Võ Thị M5 số tiền 2.000.000 đồng, nợ chị Lê Thị Kim T1 số tiền 1.000.000đồng, nhưng trong thời gian Tòa thụ lý vụ án thì cá nhân chị đã trả nợ xong cho chị M5 và chị T1 nên hai chị này không khởi kiện yêu cầu trả nợ nữa, vì vậy chị cũng rút yêu cầu trả nợ cho chị Võ Thị M5 và chị Lê Thị Kim T1.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2020 anh Hà Xuân M1 trình bày:

Việc anh và chị Võ Thị M kết hôn, chung sống và xảy ra mâu thuẫn đúng như chị M trình bày. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Võ Thị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Võ Thị M.

Về nuôi con, anh và chị M có hai người con tên là Hà Ngọc M3, sinh ngày 01/11/2005 và Hà Thị Thanh M4, sinh ngày 12/5/2009, hiện hai con đang ở với chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng mỗi con là 1.000.000đồng/tháng, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Anh và chị M có nợ của chị Võ Thị N số tiền 5.000.000đồng, nợ của bà Trần Thị H số tiền 3.160.000đồng, nợ của bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền 4.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 3.840.000đồng, nợ của Ngân hàng Y số tiền 12.000.000đồng tiền nợ gốc chưa tính lãi, nợ của chị Võ Thị M5 số tiền 2.000.000đồng, nợ của chị Lê Thị Kim T1 số tiền 1.000.000đồng, khi ly hôn anh Hà Xuân M1 nhận có nghĩa vụ trả nợ cho chị N, bà H, bà C và chị T1, còn chị M trả nợ cho Ngân hàng Y và chị M5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có nợ của bà số tiền là 3.160.000đồng, tại phiên tòa hôm nay bà rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu chị M và anh M1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 2.600.000đồng, còn số tiền 560.000đồng bà cho chị M và anh M1, bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có nợ của bà số tiền nợ gốc là 4.000.000đồng và tiền lãi của số tiền này là 3.840.000đồng, nhưng nay bà chỉ yêu cầu chị M và anh M1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 4.000.000đồng, bà rút phần yêu cầu về tiền lãi là 3.840.000đồng, nay bà không yêu cầu chị M và anh M1 trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà chị Võ Thị N trình bày:

Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có nợ của chị số tiền là 5.000.000đồng, nay chị yêu cầu chị M và anh M1 có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 5.000.000đồng, chị không yêu cầu trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Y:

Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có vay của Ngân hàng Y số tiền món hội món vay mã 6600000704666608 chương trình nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn là 12.000.000đồng.

Ngân hàng Y đã khởi kiện yêu cầu chị M và anh M1 phải trả cho Ngân hàng Y số tiền nợ gốc và lãi của món vay nêu trên vì đã đến hạn trả nợ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 19/7/2020 chị Võ Thị M đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc 12.000.000đồng và 38.466 đồng tiền lãi của món vay này cho Ngân hàng Y, vì vậy hiện nay chị M và anh M1 không còn nợ của Ngân hàng Y. Nay Ngân hàng Y rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 đối với món vay mã 6600000704666608 chương trình nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21, 28, 35, 39, 147, 1244, 262 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 27, 37, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết cho chị Võ Thị M ly hôn anh Hà Xuân M1; Giao cháu Hà Ngọc M3, sinh ngày 01/11/2005 và Hà Thị Thanh M4, sinh ngày 12/5/2009 cho chị Võ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Hà Xuân M1 phải cấp dưỡng nuôi hai con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi con đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phù hợp; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Buộc chị M và anh M1 liên đới trả nợ cho bà H, bà C, chị N; Anh M1 phải trả lại cho chị M $\frac{1}{2}$ số tiền chị M đã trả nợ cho Ngân hàng Y. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y và bà Trần Thị H.

Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Hà Xuân M1, anh M1 có nơi cư trú ở xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/5/2010, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Võ Thị M có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là anh Hà Xuân M1 vắng mặt và những người tham gia tố tụng khác có đơn đề nghị không hòa giải, nên Tòa án không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Phiên tòa ngày 20/8/2020, bị đơn anh Hà Xuân M1 vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa ngày 31/8/2020, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Hà Xuân M1 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hà Xuân M1.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 thì giữa chị M và anh M1 đã có phát sinh mâu thuẫn, thường cãi nhau và anh M1 đánh đập chị M. Kể từ đầu năm 2019 đến nay chị M và anh M1 đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Võ Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, lời trình bày tại Bản tự khai anh Hà Xuân M1 cũng đồng ý ly hôn với chị Võ Thị M, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Võ Thị M ly hôn anh Hà Xuân M1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con: Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có hai người con tên là Hà Ngọc M3, sinh ngày 01/11/2005 và Hà Thị Thanh M4, sinh ngày 12/5/2009.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị M và anh M1 đều trình bày là thời gian qua và hiện nay cháu Hà Ngọc M3 và Hà Thị Thanh M4 đang ở với chị M, hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mặt của cháu Hà Ngọc M3 và cháu Hà Thị Thanh M4, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị M, giao cháu Hà Ngọc M3 và cháu Hà Thị Thanh M4 cho chị Võ Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh Hà Xuân M1 cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000đồng/tháng, còn anh M1 chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Hà Ngọc M3 và cháu Hà Thị Thanh M4, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị M, buộc anh Hà Xuân M1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hà Ngọc M3 và Hà Thị Thanh M4 với mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu Hà Ngọc M3 và Hà Thị Thanh M4 đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung: Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 đều trình bày về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung:

[8.1] Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 đều thừa nhận có nợ của chị Võ Thị N số tiền 5.000.000 đồng, chị Võ Thị N không yêu cầu chị M và anh M1 trả tiền lãi, vì vậy chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải liên đới có nghĩa vụ mỗi người trả 1/2 số tiền nợ nêu trên cho chị Võ Thị N là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.2] Bà Trần Thị H trình bày và chị Võ Thị M, anh Hà Xuân M1 đều thừa nhận có nợ của bà Trần Thị H số tiền 3.160.000đồng, tại phiên tòa bà Trần Thị H rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu chị M và anh M1 phải trả cho bà số tiền là 2.600.000đồng, còn số tiền 560.000đồng bà cho chị M và anh M1, bà không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy việc rút bớt một phần yêu cầu của bà Trần Thị H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Trần Thị H về việc yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải

trả nợ đối với số tiền 560.000đồng, nếu sau này bà Trần Thị H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với số tiền nợ của bà Trần Thị H là 2.600.000đồng, chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải liên đới có nghĩa vụ mỗi người trả 1/2 số tiền nợ nêu trên cho bà Trần Thị H là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.3] Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh C yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 4.000.000đồng và tiền lãi của số tiền này là 3.840.000đồng, nay bà Nguyễn Thị Thanh C rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu chị M và anh M1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 4.000.000đồng, còn số tiền lãi 3.840.000đồng bà cho chị M và anh M1, bà không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy việc rút bớt một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh C là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh C về việc yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả nợ đối với số tiền nợ lãi là 3.840.000đồng, nếu sau này bà Nguyễn Thị Thanh C khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Nguyễn Thị Thanh C không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với số tiền nợ của bà Nguyễn Thị Thanh C là 4.000.000đồng, chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải liên đới có nghĩa vụ mỗi người trả 1/2 số tiền nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị Thanh C là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.4] Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 thừa nhận có vay của Ngân hàng Y số tiền món vay mã 6600000704666608 chương trình nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn là 12.000.000đồng và tiền lãi là 38.466đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 19/7/2020 chị Võ Thị M đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc 12.000.000đồng và tiền lãi 38.466đồng, tổng cộng 12.038.466đồng, nên ngày 24/7/2020 Ngân hàng Y đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 đối với món vay nêu trên. Xét thấy việc rút yêu cầu của Ngân hàng Y là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng Y về việc yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả nợ của món vay mã 6600000704666608 chương trình nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn nợ gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi là 38.466đồng, nếu sau này Ngân hàng Y khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ngân hàng Y không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[8.5] Yêu cầu của chị Võ Thị M về việc yêu cầu anh Hà Xuân M1 phải có nghĩa vụ trả lại cho chị 1/2 số tiền 12.038.466đồng mà chị Võ Thị M đã trả nợ cho Ngân hàng Y, tương ứng với 6.019.233 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ tài sản; Anh Hà Xuân M1 phải án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng và nghĩa vụ tài sản theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M được ly hôn anh Hà Xuân M1.

2. Về nuôi con: Giao hai con tên là Hà Ngọc M3, sinh ngày 01/11/2005 và Hà Thị Thanh M4, sinh ngày 12/5/2009 cho chị Võ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh Hà Xuân M1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hà Ngọc M3 và Hà Thị Thanh M4 với mức cấp dưỡng mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con Hà Ngọc M3 và Hà Thị Thanh M4 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ tài sản chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị N, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh C, tuyên buộc:

3.1 Chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị N số tiền 5.000.000đồng, trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.600.000đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền 4.000.000đồng, cụ thể:

- Chị Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền là 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền là 1.300.000đồng

(Một triệu ba trăm ngàn đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng);

- Anh Hà Xuân M1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền là 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền là 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng);

3.2 Anh Hà Xuân M1 có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị M số tiền là 6.019.233đồng (Sáu triệu không trăm mười chín ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

4. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y về việc yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả khoản nợ của món vay mã 6600000704666608 chương trình nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn nợ gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi là 38.466đồng.

5. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc bà Trần Thị H yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả số tiền 560.000đồng (Năm trăm sáu mươi ngàn đồng.)

6. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh C về việc bà Nguyễn Thị Thanh C yêu cầu chị Võ Thị M và anh Hà Xuân M1 phải trả số tiền lãi 3.840.000đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng.)

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn, 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ tài sản chung, tổng cộng chị Võ Thị M phải nộp 600.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004558 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị Võ Thị M còn phải nộp số tiền là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Anh Hà Xuân M1 phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ và 590.962đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ tài sản chung, tổng cộng anh Hà Xuân M1 phải nộp 890.962 đồng (Tám trăm chín mươi ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho chị Võ Thị N số tiền 300.000đồng mà chị Võ Thị N đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004581 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã S, huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Bình